

TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Hà Nội, tháng 08 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Vũ Văn Thương

Thành viên - Phụ trách hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Văn Chiến

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Thương

Giám đốc

Bà Hoàng Thị Minh Hải

Phó Giám đốc (Chấm dứt hợp đồng lao động từ 15/02/2016)

Ông Phạm Đăng Thuận

Phó Giám đốc

Ông Đoàn Ngọc Tuấn

Phó Giám đốc (Được điều động giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng kể từ ngày 15/04/2016)

Ông Đỗ Điệp Anh

Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/04/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Thường
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Số: 186/2016/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên
Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 25/08/2016 và được trình bày từ trang số 06 đến trang số 35 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 19 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Số dư của chỉ tiêu "Vốn góp của chủ sở hữu" được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016 của Công ty là 1.197.201.801.108 đồng đã bao gồm số tiền 48.658.165.915 đồng là giá trị quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2015 của các công ty con của Công ty. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính kèm theo, các công ty con của Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để tăng vốn điều lệ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển nói trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0034-2015-055-1

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
2909-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.189.047.886.614	2.717.519.768.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	377.494.181.242	195.016.449.544
1. Tiền	111		95.890.244.354	195.016.449.544
2. Các khoản tương đương tiền	112		281.603.936.888	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		305.919.329.406	304.289.874.596
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	118.616.407.016	123.055.434.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.389.756.606	30.903.632.577
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	146.612.442.234	151.030.084.043
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(699.276.450)	(699.276.450)
III. Hàng tồn kho	140	9	2.499.823.756.465	2.215.810.014.470
1. Hàng tồn kho	141		2.502.289.359.769	2.227.858.130.865
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.465.603.304)	(12.048.116.395)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.810.619.501	2.403.430.379
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5.807.569.501	2.053.272.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.050.000	95.033.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	255.125.379
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		576.316.557.587	297.132.537.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.000.000	620.424.677
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	84.000.000	620.424.677
II. Tài sản cố định	220		56.836.713.033	64.913.036.994
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	56.836.713.033	64.913.036.994
- Nguyên giá	222		500.695.637.586	487.706.043.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(443.858.924.553)	(422.793.006.333)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		146.968.097.589	136.772.070.891
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	146.968.097.589	136.772.070.891
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	371.668.400.715	94.827.004.861
1. Đầu tư vào công ty con	251		351.908.165.915	75.066.770.061
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.760.234.800	19.760.234.800
V. Tài sản dài hạn khác	260		759.346.250	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	759.346.250	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.765.364.444.201	3.014.652.306.412

CÔNG TY TNHH MTV THUỘC LÁ THĂNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.312.633.016.596	2.068.632.709.090
I. Nợ ngắn hạn	310		2.302.774.016.596	2.058.773.709.090
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	223.642.015.386	432.362.087.686
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.600.964.120	16.888.175.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	230.416.797.522	243.859.080.309
4. Phải trả người lao động	314		71.350.330.283	45.444.700.526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	46.437.103.199	34.641.466.191
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	164.510.212.862	167.111.956.401
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	1.541.608.238.839	1.059.883.595.362
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.208.354.385	58.582.646.759
II. Nợ dài hạn	330		9.859.000.000	9.859.000.000
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		9.859.000.000	9.859.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.452.731.427.605	946.019.597.322
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.452.731.427.605	946.019.597.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.197.201.801.108	818.352.545.268
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		255.529.626.497	127.667.052.054
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		127.667.052.054	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		127.862.574.443	127.667.052.054
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.765.364.444.201	3.014.652.306.412

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đường Thu Hà

Nguyễn Quang Huy

Vũ Văn Thường

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...17

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MÃ SỐ B02a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.859.204.248.566	1.672.246.268.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.859.204.248.566	1.672.246.268.034
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.593.244.301.030	1.406.982.034.769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		265.959.947.536	265.264.233.265
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13.146.654.828	6.079.916.643
7. Chi phí tài chính	22	24	28.596.601.052	23.094.912.539
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.047.193.271	21.984.173.283
8. Chi phí bán hàng	25	25	38.836.921.093	29.234.842.088
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	53.519.903.330	43.297.337.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		158.153.176.889	175.717.057.720
11. Thu nhập khác	31	26	3.546.912.785	1.528.245.223
12. Chi phí khác	32	27	1.835.106.237	2.888.517.181
13. Lợi nhuận khác	40		1.711.806.548	(1.360.271.958)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		159.864.983.437	174.356.785.762
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	32.002.408.994	38.759.092.889
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		127.862.574.443	135.597.692.873

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Người lập



Đường Thu Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy



Giám đốc

Vũ Văn Thường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	159.864.983.437	174.356.785.762
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.065.918.220	24.635.751.901
- Các khoản dự phòng	03	(9.582.513.091)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	125.394.083	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.004.257.744)	(5.692.503.623)
- Chi phí lãi vay	06	27.047.193.271	21.984.173.283
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	189.516.718.176	215.284.207.323
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(772.939.145)	4.303.322.135
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(274.431.228.904)	71.836.297.636
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(203.697.929.168)	(227.411.224.765)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.513.643.751)	242.637.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.685.182.590)	(18.802.403.726)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.198.578.457)	(40.502.325.076)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	690.000	261.740.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.374.982.374)	(26.696.780.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(393.157.076.213)	(21.484.530.309)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.979.053.806)	(4.904.954.545)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.004.257.744	5.692.503.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.974.796.062)	787.549.078
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	102.007.859.986	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.835.737.066.378	1.484.074.670.170
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.353.964.541.090)	(1.349.548.136.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	583.780.385.274	134.526.533.712
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	182.648.512.999	113.829.552.481
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	195.016.449.544	57.640.765.387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(170.781.301)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	377.494.181.242	171.470.317.868

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đường Thu Hà

Nguyễn Quang Huy

Vũ Văn Thương

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 318/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Nhà máy Thuốc lá Thăng Long - Doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên. Tên viết tắt của Công ty là Vinataba Thăng Long, tên giao dịch quốc tế là ThangLong Tobacco Company Ltd., Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 số 0100100054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/07/2016. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 của Công ty là 1.589.953.000.000 đồng.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

Ngày 28/03/2016, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam đã ban hành Quyết định số 171/QĐ-TLVN về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long đến hết ngày 31/12/2016 là 1.589.953.000.000 đồng. Nguồn hình thành vốn điều lệ của Công ty bao gồm: Vốn góp của chủ sở hữu và quỹ đầu tư phát triển hiện có tính đến ngày 31/12/2014 của Công ty và các công ty con của Công ty theo Đề án Tái cơ cấu các công ty thuốc lá với tổng số tiền là 744.300.988.205 đồng; Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đầu tư bổ sung 389.200.000.000 đồng; số tiền còn lại là 456.465.409.345 đồng được bổ sung từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cho Chương trình tổng thể đầu tư di dời từ tiền sử dụng đất và từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dự kiến đến hết năm 2016.

Đến ngày 30/06/2016, Công ty đã ghi nhận tăng một phần vốn điều lệ theo Quyết định số 171/QĐ-TLVN nêu trên. Theo đó, chỉ tiêu vốn góp của chủ sở hữu được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 của Công ty là 818.352.545.268 đồng và tại ngày 30/06/2016 là 1.197.201.801.108 đồng, chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 19 - Vốn chủ sở hữu.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 1.368 người (tại 31/12/2015 là: 1.360 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc lá điếu, chế tạo gia công, sửa chữa thiết bị chuyên ngành thuốc lá.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc lá điếu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Công ty

Trụ sở chính của công ty đặt tại 235 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có các công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ sau:

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn	Phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh	Sản xuất kinh doanh thuốc lá điếu, thuốc lá sợi các loại
Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa	Tiểu khu 3, thị trấn Hà Trung, Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh thuốc lá điếu, sản xuất phụ liệu thuốc

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÀU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

		lã, sản xuất kinh doanh thủ công gỗ mỹ nghệ
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	Số 01 Đỗ Thúc Tịnh, Phường Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	Sản xuất sản phẩm thuốc lá. Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã, thu mua chế biến nguyên liệu thuốc lá, bán nguyên liệu thuốc lá cho các nhà máy khác trong nước và xuất khẩu

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết doanh nghiệp hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra..

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và chế độ kế toán doanh nghiệp và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty con***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư được xác định căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của bên nhận đầu tư tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc trình bày tại mục "Chuyển đổi ngoại tệ".

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí cho sản xuất thuốc lá điều nhưng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị của sản phẩm dở dang tại phân xưởng quy đổi theo giá trị nguyên liệu sợi và tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm được xác định theo phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp và phân bổ các chi phí gián tiếp theo phương pháp hệ số quy đổi của loại bao 10 điếu (hệ số 0,5) và loại bao 20 điếu (hệ số 1,0).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải và dụng cụ quản lý được tính khấu hao nhanh gấp 2 lần so với thời gian trong khung khấu hao quy định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc thiết bị	2,5 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Thiết bị quản lý	1,5 – 03

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại ngày 30/06/2016 bao gồm các khoản chi giải phóng mặt bằng, chi phí lãi vay được vốn hóa, chi phí tư vấn lập dự án, chi phí khảo sát địa hình, lập bản vẽ thiết kế thi công và các chi phí khác có liên quan để thực hiện dự án di dời Công ty TNHH một thành viên Thuốc lá Thăng Long đến Cụm Công nghiệp thị trấn Quốc Oai - Hà Nội. Dự án này được đầu tư theo Quyết định số 64/QĐ-TLVN ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Quyết định số 358/QĐ-TLVN ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nhằm giải quyết ô nhiễm môi trường theo chủ trương của Nhà nước và thành phố Hà Nội. Năng lực sản xuất sau di dời dự kiến là 700 triệu bao thuốc lá/năm với tổng mức đầu tư ban đầu dự kiến khoảng 500,533 tỷ đồng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chỉ hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy

thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa **chưa** rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, **kinh** phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc trình bày tại mục "Chuyển đổi ngoại tệ".

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay của các ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp khác.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay và theo nguyên tệ. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc trình bày tại mục "Chuyển đổi ngoại tệ".

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

- (e) Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;
- (f) So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;
- (g) Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện bằng nhiều hoạt động khác nhau mà không tách biệt được và được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán nhất định thì doanh thu từng kỳ được ghi nhận theo phương pháp bình quân. Khi có một hoạt động cơ bản so với các hoạt động khác thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo hoạt động cơ bản đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của các tổ chức tín dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.883.329.013	3.717.163.942
Tiền gửi ngân hàng	94.006.915.341	191.299.285.602
Các khoản tương đương tiền (*)	281.603.936.888	-
Cộng	377.494.181.242	195.016.449.544

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần trong nước và có lãi suất 5% đến 5,5%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	118.616.407.016	123.055.434.426
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	70.327.436.739	69.370.541.863
Oriental General Trading INC	24.966.750.462	24.098.175.505
Công ty Thương Mại Thuốc Lá	-	13.729.375.000
Các đối tượng khác	23.322.219.815	15.857.342.058
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	118.616.407.016	123.055.434.426

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	70.327.436.739	69.370.541.863
Công ty Cổ phần Cát Lợi	-	11.719.920
Công ty Thương mại Thuốc lá	-	13.729.375.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	12.227.500	193.500.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	892.760.567	-
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	1.040.494.400	-
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	38.676.000	-
Công ty TNHH Viện Kinh tế kỹ thuật Thuốc lá	-	64.887.299

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÀU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	146.612.442.234	-	151.030.084.043	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.106.536.406	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	328.470.000	-	328.470.000	-
Tạm ứng	3.026.713.713	-	136.198.846	-
Phải thu Công ty Oriental General Trading INC.,	1.670.250.000	-	-	-
Phải thu Công ty Cổ phần Ngân Sơn về tiền bồi thường hàng hóa bị tổn thất (*)	100.844.111.734	-	133.871.311.734	-
Phải thu về thuế Thu nhập cá nhân	105.622.000	-	2.906.029.600	-
Thuế TTĐB hàng gia công	3.436.550.391	-	-	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp của nguyên vật liệu sản xuất thuốc lá xuất khẩu	35.721.104.460	-	12.500.392.393	-
Phải thu khác	1.479.619.936	-	181.145.064	-
Dài hạn	84.000.000	-	620.424.677	-
Ký cược, ký quỹ	84.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	620.424.677	-
Cộng	146.696.442.234	-	151.650.508.720	-

(*) Phải thu Công ty Cổ phần Ngân Sơn về giá trị nguyên liệu thuốc lá gửi kho tại Công ty Cổ phần Ngân Sơn bị tổn thất do hỏa hoạn. Theo biên bản làm việc ngày 31/12/2015 giữa Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long và Công ty Cổ phần Ngân Sơn về việc thống nhất phương án bồi thường giá trị nguyên liệu thuốc lá bị tổn thất do hỏa hoạn; Công ty Cổ phần Ngân Sơn sẽ bồi thường toàn bộ giá trị hàng gửi kho bị tổn thất với số tiền 135.871.311.734 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào trị giá 3.522.824.095 đồng), trong thời hạn từ năm 2016 đến 30/06/2017. Hình thức bồi thường: Chi trả tiền với giá trị 20 tỷ đồng, bồi thường bằng nguyên liệu thuốc lá với giá trị 115.871.311.734 đồng. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của nguyên liệu thuốc lá bị tổn thất là 3.522.824.095 đồng, sẽ được giảm trừ tương ứng với số thuế trên theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 30/06/2016, Công ty Cổ phần Ngân Sơn đã bồi thường cho Công ty với tổng giá trị là 35.027.200.000 đồng (bằng hàng và bằng tiền). Số dư phải thu Công ty Cổ phần Ngân Sơn về tiền bồi thường tại ngày 30/06/2016 là 100.844.111.734 đồng.

8. NỢ XẤU

Đối tượng	Thời gian quá hạn	30/06/2016		01/01/2016	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thiên Ngân Phát	Trên 3 năm	699.276.450	699.276.450	699.276.450	699.276.450
Cộng		699.276.450	699.276.450	699.276.450	699.276.450

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	75.549.443.636	-	13.360.630.016	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.338.895.450.425	2.465.603.304	2.160.918.389.863	12.048.116.395
Công cụ, dụng cụ	868.529.627	-	849.441.165	-
Chi phí SXKD dở dang	28.588.864.677	-	23.186.466.153	-
Thành phẩm	57.789.218.393	-	29.543.203.668	-
Hàng gửi bán	597.853.011	-	-	-
Cộng	2.502.289.359.769	2.465.603.304	2.227.858.130.865	12.048.116.395

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	5.807.569.501	2.053.272.000
- Chi phí thuê kho	1.208.272.000	1.208.272.000
- Chi phí mua bảo hiểm	464.500.000	385.000.000
- Chi phí công cụ dụng cụ, phụ tùng	4.134.797.501	460.000.000
Dài hạn	759.346.250	-
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	759.346.250	-
Cộng	6.566.915.751	2.053.272.000

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	24.877.273	-
Dự án di dời Công ty Thuốc lá Thăng Long (*)	146.943.220.316	132.474.873.622
Dự án đầu tư dây chuyền sợi 6 tấn/giờ	-	794.545.455
Đầu tư buồng hấp nguyên liệu	-	3.502.651.814
Cộng	146.968.097.589	136.772.070.891

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án di dời Công ty bao gồm các khoản chi giải phóng mặt bằng, chi phí lãi vay được vốn hóa, chi phí tư vấn lập dự án, chi phí khảo sát địa hình, lập bản vẽ thiết kế thi công và các chi phí khác có liên quan để thực hiện dự án di dời Công ty đến Cụm Công nghiệp thị trấn Quốc Oai - Hà Nội. Dự án được đầu tư theo Quyết định số 64/QĐ-TLVN ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Quyết định số 358/QĐ-TLVN ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nhằm giải quyết ô nhiễm môi trường theo chủ trương của Nhà nước và Thành phố Hà Nội. Ngày 28/05/2015, Hội đồng thành viên Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đã ban hành Quyết định số 208/QĐ-TLVN về việc phê duyệt điều chỉnh tiêu chuẩn thiết kế trong thiết kế cơ sở và tiến độ thực hiện của Dự án. Theo đó, Dự án dự kiến hoàn thành vào quý IV/2017.

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	36.999.541.964	427.349.103.558	20.130.479.816	3.226.917.989	487.706.043.327
Mua trong năm	-	8.636.897.268	2.432.002.728	1.110.171.000	12.179.070.996
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	810.523.263	-	-	-	810.523.263
Tại ngày 30/06/2016	37.810.065.227	435.986.000.826	22.562.482.544	4.337.088.989	500.695.637.586
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	29.159.989.924	374.758.550.193	16.240.770.535	2.633.695.681	422.793.006.333
Khấu hao trong năm	376.853.984	19.168.355.564	1.203.259.784	317.448.888	21.065.918.220
Tại ngày 30/06/2016	29.536.843.908	393.926.905.757	17.444.030.319	2.951.144.569	443.858.924.553
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	7.839.552.040	52.590.553.365	3.889.709.281	593.222.308	64.913.036.994
Tại ngày 30/06/2016	8.273.221.319	42.059.095.069	5.118.452.225	1.385.944.420	56.836.713.033
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	28.244.394.769	295.895.702.265	12.953.855.628	1.950.049.140	339.044.001.802
Tài sản hết khấu hao, chờ thanh lý	-	661.055.000	1.361.349.640	552.387.031	2.574.791.671

Tổng nguyên giá của tài sản cố định được dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 97.140 tỷ đồng và giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 bằng 0 đồng, các hợp đồng thế chấp tài sản cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số 15.(2)

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SÓ B 09a - DN

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty Con (*)	351.908.165.915	-	351.908.165.915	75.066.770.061
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	75.066.770.061	-	75.066.770.061	75.066.770.061
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	94.271.427.845	-	94.271.427.845	-
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	182.569.968.009	-	182.569.968.009	-
Đầu tư vào đơn vị khác	19.760.234.800	-	19.760.234.800	19.760.234.800
Công ty Cổ phần Cát Lợi	5.360.444.800	-	5.360.444.800	5.360.444.800
Công ty Cổ phần Hòa Việt	3.290.400.000	-	3.290.400.000	3.290.400.000
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	7.609.390.000	-	7.609.390.000	7.609.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	371.668.400.715	-	371.668.400.715	94.827.004.861

(*) Trong năm, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa và Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng theo quyết định của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, chỉ tiết được trình bày ở thuyết minh số 19 – Chi tiết tăng Vốn chủ sở hữu

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2016

	Số lượng cổ phần nắm giữ		Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ biểu quyết	
	VND	%	%	%	%	%
Công ty Cổ phần Cát Lợi	533.804		4,07%		4,07%	
Công ty Cổ phần Hòa Việt	359.459		2,80%		2,80%	
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	722.640		7,62%		7,62%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long	350.000		7,00%		7,00%	

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2015 và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long nên chưa có cơ sở để đánh giá xem liệu khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long có bị tổn thất hay không. Ban Giám đốc Công ty đánh giá vẫn đề này không ảnh hưởng trọng yếu tới tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh trong kỳ hoạt động của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THẮNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN

14. PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	223.642.015.386	223.642.015.386	432.362.087.686	432.362.087.686
Công ty Cổ phần Cát Lợi	42.143.624.823	42.143.624.823	40.425.919.216	40.425.919.216
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	34.135.000	34.135.000	57.025.687.054	57.025.687.054
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	26.920.663.941	26.920.663.941	59.647.632.337	59.647.632.337
Công ty Cổ phần Bao bì In Nông Nghiệp	22.409.406.951	22.409.406.951	25.943.789.821	25.943.789.821
Phải trả các đối tượng khác	132.134.184.671	132.134.184.671	249.319.059.258	249.319.059.258
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	223.642.015.386	223.642.015.386	432.362.087.686	432.362.087.686

Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	34.135.000	34.135.000	57.025.687.054	57.025.687.054
Công ty Cổ phần Cát Lợi	42.143.624.823	42.143.624.823	40.425.919.216	40.425.919.216
Công ty Cổ phần Hòa Việt	40.480.000	40.480.000	421.069.966	421.069.966
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	26.920.663.941	26.920.663.941	59.647.632.337	59.647.632.337
Công ty TNHH MTV Viện Kinh tế kỹ thuật Thuốc lá	159.281.320	159.281.320	51.289.340.000	51.289.340.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	1.907.539.022	1.907.539.022	2.166.943.888	2.166.943.888
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	588.051.695	588.051.695	500.804.778	500.804.778
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	760.249.194	760.249.194	1.001.941.478	1.001.941.478
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	601.187.202	601.187.202	585.241.371	585.241.371

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THẮNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09a - DN

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (1)	1.059.883.595.362	1.059.883.595.362	1.835.766.760.730	1.354.042.117.253	1.541.608.238.839	1.541.608.238.839
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (2)	40.000.000.000	40.000.000.000	151.503.956.764	42.052.938.553	149.451.018.211	149.451.018.211
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân(3)	499.525.766.014	499.525.766.014	624.192.842.212	622.356.813.254	501.361.794.972	501.361.794.972
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (4)	349.499.129.348	349.499.129.348	593.348.275.646	349.499.129.348	593.348.275.646	593.348.275.646
Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Ba Đình (5)	90.858.700.000	90.858.700.000	176.771.895.890	248.858.700.000	18.771.895.890	18.771.895.890
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai (6)	-	-	190.751.424.023	91.274.536.098	99.476.887.925	99.476.887.925
Công ty CP Đầu tư kinh doanh bất động sản Thăng Long (7)	-	-	99.198.366.195	-	99.198.366.195	99.198.366.195
Vay dài hạn	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	-	-	-	-	-	-
	1.059.883.595.362	1.059.883.595.362	1.835.766.760.730	1.354.042.117.253	1.541.608.238.839	1.541.608.238.839

- (1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1500LAV201504966 ngày 07/08/2015. Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn và lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2016 là 149.503.956.764 đồng.
- (2) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT127-TLTL ngày 16/09/2015, hạn mức tín dụng 500 tỷ đồng. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn hợp đồng kể từ ngày 16/09/2015 đến hết ngày 30/06/2016. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng đối với khoản vay nhận nợ bằng VND và đối với khoản vay nhận nợ bằng USD không quá 04 tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 5,6% đối với khoản vay là VND và 3% đối với khoản vay là USD. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐTC-TLTL ngày 15/06/2010, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC/DCTL2/TLTL ngày 15/08/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐTC/DCTL3/TLTL ngày 15/08/2012 với tổng nguyên giá là 97,140 tỷ đồng, các tài sản này đã hết khấu hao và giá trị còn lại bằng 0 đồng. Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2016 là 501.386.432.582 đồng.
- (3) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB) - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HM/NHNT.TX-TLTL ngày 07/08/2015 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 19/02/2016. Hạn mức tín dụng là 600 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động. Rút vốn một hoặc nhiều lần trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay tối đa của mỗi khế ước là 06 tháng, lãi suất điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân từng thời kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2016 là 593.348.275.646 đồng.
- (4) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 55750.15.077.1464110.TD ngày 24/09/2015. Hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng với thời hạn giải ngân đến hết ngày 30/06/2016. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay áp dụng cho từng khoản vay được xác định cụ thể trên Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân theo quy định của Ngân hàng. Thời hạn vay tối đa là 06 tháng của từng lần giải ngân. Khoản vay này được vay theo hình thức tín chấp. Số dư khoản vay tại thời điểm 30/06/2016 là 839.718 USD tương đương 18.759.300.120 đồng.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế, chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng số 006DN068.HĐTD.2015 ngày 07/08/2015 với hạn mức vay 100 tỷ đồng. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn của các khế ước nhận nợ từng lần vay không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tại ngày 30/06/2016 số dư gốc vay ngoại tệ là 1.139.905,50 USD và số dư gốc vay bằng Việt Nam đồng là 74 tỷ đồng.
- (6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương, chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDDTDHM/NHCT136-TLTL ngày 30/11/2015. Hạn mức vay là 100 tỷ đồng với thời gian rút vốn từ 30/11/2015 đến 30/06/2016. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng đối với VND và 4 tháng đối với USD. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng một lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2016 là 99.198.366.195 đồng.
- (7) Khoản vay vốn ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thăng Long theo các hợp đồng:
 - Hợp đồng vay số 01/12/HĐV/TLC-Vinatoba Thăng Long ngày 05/10/2012 và các phụ lục hợp đồng với số tiền là 50 tỷ đồng. Lãi suất vay bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THẮNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Hợp đồng vay số 02/12/HDV/TLC-Vinataba Thăng Long ngày 05/10/2012 và các phụ lục hợp đồng với số tiền là 30 tỷ đồng. Lãi suất vay bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	34.857.800.347	210.211.234.703	209.054.091.424	36.014.943.626
Thuế tiêu thụ đặc biệt (*)	170.260.885.838	1.015.679.868.636	1.014.324.706.342	171.616.048.132
Thuế nhập khẩu	(255.125.379)	104.369.590.641	104.114.465.262	-
Thuế TNDN	12.338.652.334	32.002.408.994	32.198.578.457	12.142.482.871
Thuế thu nhập cá nhân	3.771.802.600	2.158.417.100	4.980.935.000	949.284.700
Thuế đất, tiền thuê đất (**)	22.629.939.190	10.686.947.900	23.622.848.897	9.694.038.193
Cộng	243.603.954.930	1.375.108.467.974	1.388.295.625.382	230.416.797.522

Trong đó:

Thuế phải thu Nhà nước 255.125.379

Thuế phải nộp Nhà nước 243.859.080.309

230.416.797.522

- (*) Tổng số thuế Tiêu thụ đặc biệt đã nộp trong kỳ của Công ty là 1.014.324.706.342 đồng, trong đó các đơn vị gia công nộp thay là 64.485.290.852 đồng và số thuế Công ty nộp trực tiếp là 949.839.415.490 đồng.
- (**) Theo thông báo số 748/TB-CCT-KK ngày 26/04/2016 của Chi cục thuế huyện Quốc Oai về tiền thuê đất tại địa điểm Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai (địa điểm di dời nhà máy), số tiền thuê đất năm 2016 mà Công ty phải nộp là 3.277.440.708 đồng, số tiền tương ứng kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 là 1.638.720.354 đồng. Tại ngày 30/06/2016, Công ty đã ghi nhận số tiền thuê đất của năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 với số tiền là 4.916.161.200 đồng.

Ngoài ra, Công ty đã gửi “Văn bản đề nghị tạm miễn tiền Thuế đất” đến Chi cục thuế huyện Quốc Oai đề nghị được tạm miễn tiền thuê đất cho giai đoạn từ 18/03/2015 đến 31/12/2017 do việc kéo dài thời gian di dời nhà máy là khách quan và được Bộ công thương phê duyệt. Đến ngày 05/07/2016, Chi cục thuế huyện Quốc Oai đã có tờ trình số 1451/TTr-CCT-KK gửi Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn thuế của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long và trình Cục thuế thành phố Hà Nội phê duyệt. Hiện tại, Công ty đang đợi quyết định cuối cùng của cơ quan thuế về vấn đề nêu trên.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	46.437.103.199	34.641.466.191
- Chi phí lãi vay	38.273.760.999	34.534.366.191
- Các khoản trích trước khác	8.163.342.200	107.100.000
Dài hạn	-	-
Cộng	46.437.103.199	34.641.466.191

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	164.510.212.862	167.111.956.401
Kinh phí công đoàn	3.794.806.812	3.030.994.344
Bảo hiểm xã hội	2.535.101.975	-
Bảo hiểm y tế	174.463.977	-
Bảo hiểm thất nghiệp	195.007.843	-
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	-	934.367.123
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	489.441.400
Phải trả về thuế tiêu thu đặc biệt hàng gia công	3.158.609.208	6.386.702.199
Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	3.920.932.301	2.788.301.579
Tiền hỗ trợ Dự án di dời nhà máy (*)	150.000.000.000	150.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	446.822.136	3.126.681.146
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	284.468.610	355.468.610
Dài hạn	-	-
Cộng	164.510.212.862	167.111.956.401

(*) Theo Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 10/08/2015 của Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 04/8/2008 giữa Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, Tập đoàn VinGroup, Công ty TNHH Thành phố Mặt Trời Mộc, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long về việc hỗ trợ di dời nhà máy Thuốc lá Thăng Long với tổng kinh phí hỗ trợ là 300 tỷ đồng. Trong đó, Công ty được ứng trước 150 tỷ đồng kinh phí hỗ trợ ngay sau khi ký Phụ lục hợp đồng. Số tiền 150 tỷ còn lại sẽ được hỗ trợ theo lộ trình: 100 tỷ đồng sau khi UBND Thành phố Hà Nội ra quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và 50 tỷ đồng còn lại được chuyển cho Công ty sau khi Công ty bàn giao mặt bằng khu đất cho Tập đoàn VinGroup.

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	196.002.000.000	65.105.950.883	133.862.050.923	121.764.731.576	516.734.733.382
Tăng vốn trong năm	622.350.545.268	-	-	-	622.350.545.268
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	212.236.756.088	212.236.756.088
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	61.123.633.427	(121.764.731.577)	(60.641.098.150)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	(84.569.704.033)	(84.569.704.033)
Giảm do chuyển sang vốn góp của chủ sở hữu	-	(65.105.950.883)	(194.985.684.350)	-	(260.091.635.233)
Tại ngày 01/01/2016	818.352.545.268	-	-	127.667.052.054	946.019.597.322
Tăng vốn trong kỳ	378.849.255.840	-	-	-	378.849.255.840
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	127.862.574.443	127.862.574.443
Tại ngày 30/06/2016	1.197.201.801.108	-	-	255.529.626.497	1.452.731.427.605

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết tăng vốn góp của chủ sở hữu trong kỳ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, đến ngày 30/06/2016, Công ty đã ghi nhận tăng bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định số 171/QĐ-TLVN của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 01/01/2016	818.352.545.268
Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong kỳ	378.849.255.840
Nhận bàn giao vốn đầu tư của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	94.271.427.845
Nhận bàn giao vốn đầu tư của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam tại Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	182.569.968.009
Tổng Công ty Thuốc lá cấp bổ sung vốn điều lệ	102.007.859.986
Vốn góp của chủ sở hữu giảm trong kỳ	-
Vốn góp của chủ sở hữu tại 30/6/2016	1.197.201.801.108

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2016	01/01/2016
- USD	1.761.705,94	383.677,10
- Euro	1.362,82	1.368,07

Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ

	ĐVT	30/06/2016	01/01/2016
Gold Seal 10's Menthol - Liberia	Bao	-	405.000
Gold Seal 10's Red - Liberia	Bao	-	500.000
Thăng Long B.C	Bao	45.000	-
Hồng Hà B.C	Bao	165.000	-
Phù Đồng B.C	Bao	40.000	-
Sợi Yuxi	Kg	300,00	360
Cây đầu lọc	1000C	5.266,00	5.344
Sáp vàng 64mm Yuxi	Kg	86,74	132,44
Nhãn Yuxi compact	1000T	44,00	46,5
Tút	1000T	8,11	7,706
Lưỡi gà vàng 95 Yuxi	Kg	206,76	288,238
Giấy nhôm	Kg	903,76	903,76
Bạc vàng 114mmx62.5gsmx1400 Yuxi	Kg	702,30	563,587
Chi xé trắng 2.5x6000m Yuxi	Kg	128,70	161,60
Hộp carton k-in (Yuxi) 455x245x570	Cái	127,00	55
Hộp Yuxi	Cái	1.158,00	1.220
Băng dính Yuxi có chữ	Cuộn	2.305,00	2.305
Băng dính Yuxi không chữ	Cuộn	8.441,00	8.494

Tài sản được sử dụng nhận bàn giao từ khách hàng

Công ty đã ký hợp đồng với một số khách hàng nước ngoài về việc sản xuất thuốc lá theo các nhãn hiệu chỉ định. Hợp đồng quy định, khách hàng nước ngoài có nghĩa vụ cung cấp máy móc và thiết bị (cho mượn) cho Công ty sử dụng để sản xuất thuốc lá.

Danh sách máy móc thiết bị đã nhận từ các khách hàng nước ngoài theo từng hợp đồng mượn tài sản (tạm nhập tái xuất) như sau:

	Năm tạm nhập	Ký hiệu
Dây chuyền cuốn Mak8 số 04	1994	Mak8 - Mak3
Dây chuyền đóng bao HLC số 4	1994	HLP
Dây chuyền đóng bao YB42B	2005	YB42B
Dây chuyền cuốn điều, đóng bao Hồng Ta	2008	Super9 - YB45
Dây chuyền đóng bao Slim 5	2010	CP20-3
Dây chuyền đóng bao Slim 6	2011	CP20-3
Dây chuyền cuốn, đóng bao Nano	2013	YJ14-23
Dây chuyền cuốn, đóng bao Nano	2013	YB43A
Dây chuyền cuốn, đóng bao Nano	2010	YJ14-23
Dây chuyền cuốn, đóng bao Nano	2010	YB43A
Dây chuyền đóng bao Compact 7	2013	CP20-3
Dây chuyền cuốn Slim số 6: 1.500 đ/phút	2015	YJ14-23
Dây chuyền cuốn Slim số 7: 3.500 đ/phút	2015	ZJ 114

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu		
- Doanh thu thuốc lá điều	1.852.863.984.774	1.667.615.809.560
+ Xuất khẩu	402.289.764.614	338.501.846.986
+ Tiêu thụ trong nước	1.450.574.220.160	1.329.113.962.574
- Doanh thu bán vật tư	5.412.372.010	4.630.458.474
- Doanh thu khác	927.891.782	-
Cộng	1.859.204.248.566	1.672.246.268.034

Doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	399.629.320	16.929.000
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	273.024.835.919	178.688.569.147
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	935.155.054	619.194.329
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	2.915.481.316	6.289.312.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	610.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	2.337.604.267	-
Công ty Cổ phần Cát Lợi	-	188.947.107

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.596.069.728.540	1.422.879.639.509
Giá vốn của vật tư đã bán	10.428.907.796	7.053.660.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (không bao gồm giá trị dự phòng xử lý vật tư xuất hủy)	429.115.252	-
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán (Thuế nhập khẩu được hoàn)	(17.576.289.597)	(22.951.264.873)
Giá trị vật tư xuất hủy sau khi xử lý bằng nguồn dự phòng	3.892.839.039	-
Cộng	1.593.244.301.030	1.406.982.034.769

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.936.649.744	4.624.895.623
Lãi thanh toán trước hạn	1.791.490.212	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.350.906.872	387.413.020
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.067.608.000	1.067.608.000
Cộng	13.146.654.828	6.079.916.643

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.047.193.271	21.984.173.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.549.407.781	1.110.739.256
Cộng	28.596.601.052	23.094.912.539

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	53.519.903.330	43.297.337.561
- Chi phí nhân viên quản lý	26.085.088.599	17.409.098.506
- Chi phí nguyên vật liệu	400.173.474	291.788.198
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.274.320.533	415.313.958
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.413.396.644	1.641.539.810
- Thuế, phí, lệ phí	6.633.482.123	12.667.913.786
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.662.663.889	1.075.505.834
- Chi phí bằng tiền khác	8.050.778.068	9.796.177.469
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	38.836.921.093	29.234.842.088
- Chi phí nhân viên	9.440.056.733	6.363.515.761
- Chi phí nguyên vật liệu	781.015.289	995.214.150
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	43.400.000	2.901.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.318.374	262.527.648
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.429.634.758	6.597.893.155
- Chi phí bằng tiền khác	21.736.495.939	15.012.790.374

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Thu từ bán phế liệu, vật tư thanh lý	1.874.662.785	1.528.245.223
Thu bồi thường	1.670.250.000	-
Thu nhập khác	2.000.000	-
Cộng	3.546.912.785	1.528.245.223

27. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, phạt thuế	1.164.788.743	2.838.636.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.880.790	49.880.790
Chi phí khác	620.436.704	-
Cộng	1.835.106.237	2.888.517.181

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.462.348.940.705	1.407.028.836.361
Chi phí nhân công	145.410.842.214	123.963.656.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.016.037.430	21.969.656.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.632.843.762	19.711.001.272
Chi phí khác bằng tiền	52.530.758.352	46.050.569.127
Cộng	1.716.939.422.463	1.618.723.719.832

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	159.864.983.437	174.356.785.762
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	1.214.669.533	2.888.517.181
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.067.608.000	1.067.608.000
Thu nhập tính thuế	160.012.044.970	176.177.694.943
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.002.408.994	38.759.092.889

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỔ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Thương mại thuốc lá	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Thương mại Miền Nam	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm đào tạo Vinataba	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	Công ty con
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Viện Kinh tế kỹ thuật Thuốc lá	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Nguyễn Du	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoà Việt	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cát Lợi	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần thực phẩm Hữu Nghị	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hải Hà – Kotobuki	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	Cùng Tập đoàn

Ngoài các giao dịch và sổ dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và sổ dư với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Mua hàng		
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	42.009.565.473	57.070.660.894
Công ty Cổ phần Cát Lợi	240.057.368.983	188.168.104.259
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	4.302.809.733	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	11.055.268.328	3.160.529.872
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	91.213.996.107	28.887.717.200
- Mua nguyên liệu	86.240.799.957	28.887.717.200
- Phí gia công	4.973.196.150	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	1.072.269.288	-
Công ty TNHH MTV Viện Kinh tế kỹ thuật Thuốc lá	525.121.800	78.268.040
Công ty Cổ phần Hòa Việt	33.266.533.333	-
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	5.554.330.493	1.173.944.340
Công ty Thương mại Thuốc Lá	11.312.000	8.307.273
Thu nhập khác		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	78.637.818	-

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban giám đốc**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng thành viên	532.900.000	587.143.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	779.000.000	1.354.089.000

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả khác		
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	-	934.367.123
- <i>Lãi vay phải trả</i>	-	934.367.123
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	-	15.998.864
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	-	489.441.400
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	3.158.609.208	3.379.236.581
Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thanh Hóa	-	3.007.465.618
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Ngân Sơn	101.172.581.734	134.199.781.734
- <i>Phải thu về cổ tức</i>	328.470.000	328.470.000
- <i>Phải thu về tiền bồi thường</i>	100.844.111.734	133.871.311.734
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	1.086.531.010	-
Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thanh Hóa	2.352.546.920	-

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo-lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 chưa được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2016. Cụ thể như sau:

CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THĂNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN DỘ

MÀU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bảng cân đối kế toán Tại ngày 31/12/2015	Mã số	Trước phân loại lại VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Tài sản				
Trả trước cho người bán ngắn	132	30.010.350.077	893.282.500	30.903.632.577
Cộng		<u>30.010.350.077</u>	<u>893.282.500</u>	<u>30.903.632.577</u>
Nợ phải trả				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	431.468.805.186	893.282.500	432.362.087.686
Phải trả ngắn hạn khác	319	166.879.356.401	232.600.000	167.111.956.401
Phải trả dài hạn khác	337	232.600.000	(232.600.000)	-
Cộng		<u>598.580.761.587</u>	<u>893.282.500</u>	<u>599.474.044.087</u>

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng



Đường Thu Hà

Nguyễn Quang Huy

Vũ Văn Thường